

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T15XDD
TÊN HỌC PHẦN: TỔ CHỨC THI CÔNG
MÃ HỌC PHẦN: CIE - 404

HỌC KỲ 5
TÍN CHỈ 2
LẦN THI 1

Ngày thi: 17/10/2011

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
1	132210154	HỒ CÔNG BÌNH	T15XDD1	0			4.5		3			0.5	0.0	Khăng			
2	152210164	ĐÌNH QUANG KHÁNH	T15XDD1	10			8		5.5			5.5	6.6	Sầu pháy Sầu			
3	152210166	DƯƠNG QUỐC LỊNH	T15XDD1	10			8.5		4			4	5.6	Nằm pháy Sầu			
4	152210175	NGUYỄN BÌNH	T15XDD1	4			6		5			3.5	0.0	Khăng			
5	152210176	PHẠM XUÂN BA	T15XDD1	10			8		7.5			5	6.6	Sầu pháy Sầu			
6	152210177	NGUYỄN ĐÌNH HIẾU	T15XDD1	10			7		6.5			4	5.7	Nằm pháy Báy			
7	152210178	NGUYỄN THÀNH DUY	T15XDD1	10			8		8.5			7	7.8	Báy pháy Tầm			
8	152210181	BÙI VĂN LỰC	T15XDD1	8			7		4.5			2.5	0.0	Khăng			
9	152210182	NGUYỄN HỘP	T15XDD1	10			7		8			4.5	6.2	Sầu pháy Hai			
10	152210184	PHẠM TÚ	T15XDD1	8			6.5		7			6.5	6.8	Sầu pháy Tầm			
11	152210185	HUỖNH KIM NAM	T15XDD1	8			8		5.5			4	5.4	Nằm pháy Bấu			
12	152210190	THÁI ĐỊNH	T15XDD1	6			7		7			6.5	6.6	Sầu pháy Sầu			
13	152210193	NGÔ NHẬT THỂ DŨNG	T15XDD1	10			8		9.5			7	8.0	Tầm			
14	152210199	NGUYỄN MINH ĐỨC	T15XDD1	10			8.5		8			9	8.9	Tầm pháy Chên			
15	152210200	LÊ QUANG	T15XDD1	6			7		7.5			4.5	5.6	Nằm pháy Sầu			
16	152210203	NGUYỄN TẤN KHÔI	T15XDD1	7			8		7			5	6.1	Sầu pháy Mất			
17	152210206	NGUYỄN VĂN VŨ	T15XDD1	8			7.5		8.5			7	7.5	Báy pháy Nằm			
18	152210207	NGUYỄN NGỌC PHÚ	T15XDD1	10			7.5		4.5			5.5	6.3	Sầu pháy Ba			
19	152210209	TRẦN CÔNG DO	T15XDD1	6			7.5		4.5			6	6.0	Sầu			
20	152210210	NGUYỄN NHƯ NHẬN	T15XDD1	10			8		6			6	6.9	Sầu pháy Chên			
21	152210216	NGUYỄN VĂN LONG	T15XDD1	4			5.5		5			4.5	4.7	Bấu pháy Báy			
22	152210220	PHẠM HOÀNG DŨNG	T15XDD1	8			6		5.5			7.5	7.1	Báy pháy Mất			
23	152210221	ĐÌNH VĂN TRƯỜNG	T15XDD1	8			7.5		5.5			6	6.5	Sầu pháy Nằm			
24	152210224	NGUYỄN VŨ TRƯỜNG	T15XDD1	4			6.5		5			3.5	0.0	Khăng			
25	152210225	NGUYỄN TRẦN TOẢN	T15XDD1	10			8		8.5			5	6.7	Sầu pháy Báy			
26	152210228	LÊ MINH THIÊN	T15XDD1	8.5			8		7.5			5.5	6.6	Sầu pháy Sầu			
27	152210231	NGUYỄN THÀNH VIÊN	T15XDD1	10			8		8			4	6.1	Sầu pháy Mất			
28	152210233	VÕ NGỌC LƯU	T15XDD1	10			8.5		5			4.5	6.0	Sầu			
29	152210238	NGUYỄN HỮU THỌ	T15XDD1	10			8		5.5			5	6.3	Sầu pháy Ba			
30	152210240	THÁI XUÂN TRUNG	T15XDD1	6			7		5.5			4.5	5.3	Nằm pháy Ba			
31	152210241	TRẦN ĐẠI NGHĨA	T15XDD1	8			8		8.5			6.5	7.3	Báy pháy Ba			
32	152210246	HUỖNH VĂN TUẤN	T15XDD1	8			7		6			2.5	0.0	Khăng			
33	152210250	NGUYỄN TRƯỜNG VINH	T15XDD1	2			5.5		5			5	4.6	Bấu pháy Sầu			
34	152210253	NGUYỄN THỊ NGỌC	T15XDD1	6			8		5			8.5	7.5	Báy pháy Nằm			
35	152210257	NGUYỄN NGỌC MINH	T15XDD1	6			7		5			7	6.6	Sầu pháy Sầu			
36	152210258	TRẦN VIỆT LINH	T15XDD1	10			9		8.5			8	8.5	Tầm pháy Nằm			
37	152210261	VÕ THANH QUANG	T15XDD1	8.5			8		7			5.5	6.6	Sầu pháy Sầu			
38	152210263	VÕ HỮU QUYẾT	T15XDD1	4			4.5		5			3	0.0	Khăng			
39	152210269	LÊ KIM HOÀNG	T15XDD1	8			8		7.5			5.5	6.6	Sầu pháy Sầu			
40	152210272	CAO VĂN BÌNH	T15XDD1	8.5			8		7			5.5	6.6	Sầu pháy Sầu			

Ngày thi: 17/10/2011

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					15			15		15			55	100		
41	152220331	NGUYỄN TƯỜNG	AN	T15XDD1	2			5		4.5			5.5	4.8	Bầu pháy Tầm	
42	152220352	NGÔ TIẾN	HÀ	T15XDD1	10			8		8			6.5	7.5	Báy pháy Nầm	
43	152220363	NGUYỄN THANH	TUẤN	T15XDD1	10			7		5.5			6	6.7	Sầu pháy Báy	
44	152220378	TRẦN ĐÌNH	SANG	T15XDD1	10			8		5			5	6.2	Sầu pháy Hai	
45	132210223	NGUYỄN ĐỨC	NAM	T15XDD2	4			5		3			4	4.0	Bầu	
46	152210163	ĐẶNG VĂN	NGHĨA	T15XDD2	8			6.5		5			4	5.1	Nầm pháy Mất	
47	152210171	TRẦN HỒNG	QUANG	T15XDD2	8			6		5			5	5.6	Nầm pháy Sầu	
48	152210180	ĐÌNH PHƯỚC	TOÀN	T15XDD2	8			6		6			6	6.3	Sầu pháy Ba	
49	152210183	NGUYỄN TUẤN	ANH	T15XDD2	10			8.5		6.5			6.5	7.3	Báy pháy Ba	
50	152210187	ĐỖ XUÂN	CƯỜNG	T15XDD2	10			6.5		7.5			6	6.9	Sầu pháy Chên	
51	152210188	NGUYỄN VĂN	THÀNH	T15XDD2	10			5.5		5.5			4.5	5.6	Nầm pháy Sầu	
52	152210189	LÊ HỮU	CƯỜNG	T15XDD2	10			0		5			HP	0.0	Khăng	
53	152210191	DUƠNG HỒNG	THỌ	T15XDD2	8			7		6.5			6	6.5	Sầu pháy Nầm	
54	152210196	TRẦN MINH	THUẬN	T15XDD2	6			7		5.5			4	5.0	Nầm	
55	152210197	PHAN XUÂN	MINH	T15XDD2	4			6.5		5			6.5	5.9	Nầm pháy Chên	
56	152210198	PHAN UYÊN	VŨ	T15XDD2	8			7		6			7.5	7.3	Báy pháy Ba	
57	152210208	BÙI VĂN	ĐỨC	T15XDD2	6			7		6.5			6.5	6.5	Sầu pháy Nầm	
58	152210211	ĐẶNG NGỌC	LĨNH	T15XDD2	8			7		4			5.5	5.9	Nầm pháy Chên	
59	152210212	NGUYỄN KIM	LONG	T15XDD2	8			7.5		5			5	5.8	Nầm pháy Tầm	
60	152210213	NGUYỄN VĂN ANH	TUẤN	T15XDD2	4			0		4			7.5	5.3	Nầm pháy Ba	
61	152210215	LƯU SƠN	TRÀ	T15XDD2	8			7.5		6.5			6	6.6	Sầu pháy Sầu	
62	152210217	ĐẶNG QUỐC	GIANG	T15XDD2	8			7.5		4.5			5.5	6.0	Sầu	
63	152210222	NGUYỄN XUÂN	DŨNG	T15XDD2	4			4.5		5.5			6.5	5.7	Nầm pháy Báy	
64	152210223	TRƯƠNG CÔNG	LUẬN	T15XDD2	8			7		7			2	0.0	Khăng	
65	152210226	ĐỖ QUANG	CHÍN	T15XDD2	6			7		7.5			5.5	6.1	Sầu pháy Mất	
66	152210227	TRẦN ÁI	QUỐC	T15XDD2	10			7		8			6.5	7.3	Báy pháy Ba	
67	152210229	NGUYỄN XUÂN	BÌNH	T15XDD2	10			6.5		7			6.5	7.1	Báy pháy Mất	
68	152210234	NGUYỄN HỮU	VIỆT	T15XDD2	8			7		6			5.5	6.2	Sầu pháy Hai	
69	152210235	HÀ TÂN	NGHIỆP	T15XDD2	6			7		4			4	4.8	Bầu pháy Tầm	
70	152210239	TRẦN	MAY	T15XDD2	6			7		5.5			3	0.0	Khăng	
71	152210242	VÕ ĐÌNH	BÁCH	T15XDD2	6			7		6			4.5	5.3	Nầm pháy Ba	
72	152210244	LÊ THANH	VŨ	T15XDD2	10			9		7.5			6.5	7.6	Báy pháy Sầu	
73	152210252	VÕ TRƯỜNG	QUỲNH	T15XDD2	8			8		7			5.5	6.5	Sầu pháy Nầm	
74	152210256	TRẦN ĐĂNG	KHOA	T15XDD2	0			0		0			HP	0.0	Khăng	
75	152210259	HỒ VĂN	DŨNG	T15XDD2	6			7		5			5.5	5.7	Nầm pháy Báy	
76	152210260	TRẦN VĂN	DŨNG	T15XDD2	8			5.5		4			2	0.0	Khăng	
77	152210262	NGUYỄN TIẾN	CƯỜNG	T15XDD2	8			7		5.5			4	5.3	Nầm pháy Ba	
78	152210267	NGUYỄN CÔNG	QUÂN	T15XDD2	6			5.5		5.5			5.5	5.6	Nầm pháy Sầu	
79	152210270	TRẦN BÌNH	TRUNG	T15XDD2	8			8		8			8.5	8.3	Tầm pháy Ba	
80	152220342	TRẦN THANH	SƠN	T15XDD2	0			0		0			HP	0.0	Khăng	
81	152220346	TRẦN THANH	NHÃ	T15XDD2	10			8.5		5			4.5	6.0	Sầu	
82	152220391	HÀ VĂN	LỰC	T15XDD2	8			7		7.5			7	7.2	Báy pháy Hai	
1	0701	NGUYỄN ĐỨC	CƯỜNG	D14XDD	4			3		5.5			4.5	4.4	Bầu pháy Bầu	

Ngày thi: 17/10/2011

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15			15		15			55	100			
2	0053	TRẦN VĂN LAI	D15XDD	4			4.5		7.5			4	4.6	Bầu pháp Sầu		
3	0753	HỒ QUỐC TIẾN	D15XDD	6			5		7.5			V	0.0	Khăng	Hoàn Thi	
4	0269	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	K12XDD	8			7		6.5			5.5	6.3	Sầu pháp Ba		
5	4565	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	K13XDD	6			6		5			6	5.9	Nằm pháp Chên		
6	3197	TRƯƠNG ĐỨC NHẬT	K14XCD	6			7		5.5			6.5	6.4	Sầu pháp Bấu		
7	3774	PHẠM VĂN LÂM	K14XCD	10			7		6			5.5	6.5	Sầu pháp Nằm		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	76	85%	
2	Số sinh viên nợ	13	15%	
TỔNG CỘNG :		89	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 10 năm 2011
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trần Quốc Bảo

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú